

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2024

THƯ MỜI QUAN TÂM
Về việc chào giá dịch vụ kiểm toán

Kính gửi: các đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán.

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội.

Hiện nay, Học viện có nhu cầu kiểm toán dự án hoàn thành 01 dự án đã triển khai để có cơ sở thực hiện các bước tiếp. Thông tin dự án như sau:

Tên dự án: Đầu tư phòng thí nghiệm sinh lý bệnh phân tử - Học viện Quân y

Tổng mức đầu tư: 44.700.000.000 đồng.

Trong đó:

+ Cải tạo, sửa chữa nhỏ:	200.000.000 đồng
+ Chi phí thiết bị:	38.641.450.000 đồng
+ Chi quản lý dự án:	503.877.000 đồng
+ Chi phí tư vấn đầu tư:	445.215.000 đồng
+ Chi phí khác:	355.688.000 đồng
+ Dự phòng:	4.553.770.000 đồng

Địa điểm đầu tư: Số 160, Phùng Hưng, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội.

Danh mục hạng mục đầu tư (Có Phụ lục chi tiết kèm theo).

Thời gian nhận báo giá, hồ sơ năng lực: 10 ngày kể từ ngày ra thông báo hoặc đến khi nhận đủ báo giá theo quy định.

Địa chỉ nhận báo giá, hồ sơ năng lực: Phòng Khoa học Quân sự, tầng 3 nhà S1, Học viện Quân y (số 160 Phùng Hưng, Hà Đông, Hà Nội).

Điện thoại liên hệ: 0982102874.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của các đơn vị.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công TTĐT HVQY;
- J7;
- Lưu: VT, QLKHQ/SJ6. Tg03.



Đại tá Nguyễn Văn Ba

Phụ lục I
YÊU CẦU BÁO GIÁ
(Kèm theo Thư mời quan tâm)

TT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết	Địa điểm	Ghi chú
1	Tư vấn kiểm toán dự án hoàn thành	01	Dự án	Chi tiết tại phụ lục kèm theo	Học viện Quân y	
Tổng	01 dịch vụ					

 

Phụ lục II
NỘI DUNG, KINH PHÍ DỰ ÁN
(Kèm theo Thư mời quan tâm)

Đơn vị tính: Đồng

TT	NỘI DUNG									Tăng (+) Giảm (-)	Ghi chú
	Tên hàng hóa	Theo Quyết định				Thực hiện					
		ĐVT	S.Lg	Đơn giá	Thành tiền	ĐVT	S.Lg	Đơn giá	Thành tiền		
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(4)	(10)
I	Hạng mục đầu tư xây dựng				200.000.000				195.000.000	-5.000.000	
1.1	Gói thầu XL-01: Sửa chữa cải tạo nhỏ phòng thí nghiệm				200.000.000			Trọn gói	195.000.000	-5.000.000	
-	Cửa đi 2 cánh mở khung nhôm kính Việt Pháp, kính trắng dày 6,38mm					m ²	11,04	2.532.998	27.964.298		
-	Cửa đi 1 cánh lùa khung nhôm kính Việt Pháp, kính trắng dày 6,38mm					m ²	3,45	2.207.453	7.615.713		
-	Khóa cửa đi tay nắm gạt					Bộ	5	926.949	4.634.745		
-	Bản lề cửa nhôm Việt Pháp					Cái	24	40.786	978.864		
-	Chốt cửa loại dọc					Cái	8	61.797	494.376		
-	Vách khung nhôm kính Việt Pháp, kính trắng dày 6,38mm					m ²	54,45	2.419.526	131.752.869		
-	Lắp dựng cửa khung sắt, khung nhôm					m ²	14,49	98.497	1.427.222		

8/11/2021

TT	NỘI DUNG									Tăng (+) Giảm (-)	Ghi chú
	Tên hàng hóa	Theo Quyết định				Thực hiện					
		ĐVT	S.Lg	Đơn giá	Thành tiền	ĐVT	S.Lg	Đơn giá	Thành tiền		
-	Lắp dựng vách kính khung nhôm					m ²	54,45	93.532	5.093.192		
-	Gia công lắp dựng cánh tay thủy lực cửa đi					m ²	11,00	1.730.306	19.033.366		
II	Hạng mục đầu tư mua sắm trang thiết bị, phần mềm				38.641.450.000				37.927.008.000	-714.442.000	
2.1	Gói thầu TB-01: Mua sắm, lắp đặt thiết bị bảo quản và nghiên cứu về bệnh lý tế bào				8.060.000.000				7.896.008.000	-163.992.000	
1	Máy đo đếm tế bào sống/chết	Cái	1	845.000.000	845.000.000	Cái	1	832.325.000	832.325.000	-12.675.000	
2	Máy biến nạp tế bào	Cái	1	950.000.000	950.000.000	Cái	1	935.750.000	935.750.000	-14.250.000	
3	Kính hiển vi huỳnh quang	Cái	1	2.060.000.000	2.060.000.000	Cái	1	2.029.100.000	2.029.100.000	-30.900.000	
4	Bình Ni tơ lạnh bảo quản mẫu	Cái	2	170.000.000	340.000.000	Cái	2	166.600.000	333.200.000	-6.800.000	
5	Tủ lạnh âm sâu -86°C	Cái	2	368.000.000	736.000.000	Cái	2	357.696.000	715.392.000	-20.608.000	
6	Tủ lạnh âm -30°C	Cái	1	180.000.000	180.000.000	Cái	1	174.600.000	174.600.000	-5.400.000	
7	Tủ bảo quản mẫu và hóa chất	Cái	2	180.000.000	360.000.000	Cái	2	174.600.000	349.200.000	-10.800.000	
8	Tủ ẩm CO2	Cái	2	390.000.000	780.000.000	Cái	2	386.100.000	772.200.000	-7.800.000	
9	Máy ly tâm lạnh (rotor góc 6 vị trí)	Cái	1	489.000.000	489.000.000	Cái	1	473.841.000	473.841.000	-15.159.000	
10	Tủ an toàn sinh học cấp II	Cái	3	440.000.000	1.320.000.000	Cái	3	426.800.000	1.280.400.000	-39.600.000	

TT	NỘI DUNG									Tăng (+) Giảm (-)	Ghi chú
	Tên hàng hóa	Theo Quyết định				Thực hiện					
		ĐVT	S.Lg	Đơn giá	Thành tiền	ĐVT	S.Lg	Đơn giá	Thành tiền		
2.2	Gói thầu TB-02: Mua sắm, lắp đặt hệ thống phòng sạch và bàn thí nghiệm				4.660.000.000				4.564.000.000	-96.000.000	
1	Hệ thống phòng sạch số 1	HT	1	1.750.000.000	1.750.000.000	HT	1	1.790.000.000	1.790.000.000	+40.000.000	
2	Hệ thống phòng sạch số 2	HT	1	1.750.000.000	1.750.000.000	HT	1	1.640.000.000	1.640.000.000	-110.000.000	
3	Bàn thí nghiệm sát tường có hộc, có giá để dụng cụ	Bộ	8	110.000.000	880.000.000	Bộ	8	107.750.000	862.000.000	-18.000.000	
4	Bàn thí nghiệm trung tâm có bồn rửa, có giá để dụng cụ	Bộ	2	140.000.000	280.000.000	Bộ	2	136.000.000	272.000.000	-8.000.000	
2.3	Gói thầu TB-03: Mua sắm, lắp đặt trang thiết bị phân tích, nghiên cứu một số bệnh lý phân tử				10.227.000.000				10.008.138.000	-218.862.000	
1	Máy phân tích/đếm, chọn lọc dòng chảy tế bào	Cái	1	6.380.000.000	6.380.000.000	Cái	1	6.220.500.000	6.220.500.000	-159.500.000	
2	Máy quang phổ đo nồng độ DNA/RNA	Cái	1	280.000.000	280.000.000	Cái	1	274.120.000	274.120.000	-5.880.000	
3	Bộ điện di, chuyển màng và đọc tín hiệu	Bộ	1	490.000.000	490.000.000	Bộ	1	480.200.000	480.200.000	-9.800.000	
4	Máy đọc Elisa	Cái	1	415.000.000	415.000.000	Cái	1	405.870.000	405.870.000	-9.130.000	
5	Hệ thống phân tích DNA sau quá trình khuếch đại	Cái	2	100.000.000	200.000.000	Cái	2	99.000.000	198.000.000	-2.000.000	
6	Máy lắc ủ nhiệt	Cái	2	178.000.000	356.000.000	Cái	2	175.864.000	351.728.000	-4.272.000	
7	Tủ âm lạnh	Cái	1	247.000.000	247.000.000	Cái	1	243.789.000	243.789.000	-3.211.000	

TT	NỘI DUNG									Tăng (+) Giảm (-)	Ghi chú
	Tên hàng hóa	Theo Quyết định				Thực hiện					
		ĐVT	S.Lg	Đơn giá	Thành tiền	ĐVT	S.Lg	Đơn giá	Thành tiền		
8	Tủ ẩm có lắc	Cái	1	269.000.000	269.000.000	Cái	1	266.041.000	266.041.000	-2.959.000	
9	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	2	325.000.000	650.000.000	Cái	2	319.150.000	638.300.000	-11.700.000	
10	Máy ly tâm để bàn (Rotor 30 ống)	Cái	1	480.000.000	480.000.000	Cái	1	474.720.000	474.720.000	-5.280.000	
11	Máy ly tâm lạnh để bàn (Rotor 24 vị trí)	Cái	1	198.000.000	198.000.000	Cái	1	197.010.000	197.010.000	-990.000	
12	Máy lắc vortex	Cái	4	15.000.000	60.000.000	Cái	4	14.850.000	59.400.000	-600.000	
13	Cân kỹ thuật điện tử 10^{-2}	Cái	1	50.000.000	50.000.000	Cái	1	49.500.000	49.500.000	-500.000	
14	Micropipette 1 kênh có thể điều chỉnh thể tích	Bộ	2	76.000.000	152.000.000	Bộ	2	74.480.000	148.960.000	-3.040.000	
2.4	Gói thầu TB-04: Mua sắm, lắp đặt trang thiết bị nghiên cứu một số mô hình đánh giá tác động của thuốc				6.794.450.000				6.692.362.000	-102.088.000	
1	Máy theo dõi liên tục tế bào sống và phát triển	Cái	1	2.450.000.000	2.450.000.000	Cái	1	2.445.100.000	2.445.100.000	-4.900.000	
2	Kính hiển vi đảo ngược kèm camera	Cái	1	2.200.000.000	2.200.000.000	Cái	1	2.149.400.000	2.149.400.000	-50.600.000	
3	Máy đo pH	Cái	1	41.000.000	41.000.000	Cái	1	40.180.000	40.180.000	-820.000	
4	Bộ phân phối dung môi	Bộ	4	25.000.000	100.000.000	Bộ	4	24.500.000	98.000.000	-2.000.000	
5	Bể ổn nhiệt	Cái	2	80.000.000	160.000.000	Cái	2	78.240.000	156.480.000	-3.520.000	
6	Bộ lọc chân không	Cái	2	80.000.000	160.000.000	Cái	2	78.240.000	156.480.000	-3.520.000	
7	Tủ sấy dụng cụ	Cái	1	140.000.000	140.000.000	Cái	1	136.500.000	136.500.000	-3.500.000	

TT	NỘI DUNG									Tăng (+) Giảm (-)	Ghi chú
	Tên hàng hóa	Theo Quyết định				Thực hiện					
		ĐVT	S.Lg	Đơn giá	Thành tiền	ĐVT	S.Lg	Đơn giá	Thành tiền		
8	Cân phân tích 5 số lẻ	Cái	1	168.000.000	168.000.000	Cái	1	164.640.000	164.640.000	-3.360.000	
9	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	1	22.450.000	22.450.000	Cái	1	21.956.000	21.956.000	-494.000	
10	Máy cất nước 2 lần	Cái	1	160.000.000	160.000.000	Cái	1	156.640.000	156.640.000	-3.360.000	
11	Hệ thống tiệt trùng bằng đèn UV	Bộ	1	18.000.000	18.000.000	Bộ	1	17.586.000	17.586.000	-414.000	
12	Vật tư dụng cụ trong lưu trữ tiêu bản, mẫu	Bộ	10	24.000.000	240.000.000	Bộ	10	23.424.000	234.240.000	-5.760.000	
13	Bình chứa thuốc nhuộm	Cái	15	12.000.000	180.000.000	Cái	15	11.760.000	176.400.000	-3.600.000	
14	Giá nhúng tiêu bản	Cái	15	12.000.000	180.000.000	Cái	15	11.700.000	175.500.000	-4.500.000	
15	Giá giữ bình chứa thuốc nhuộm	Cái	5	12.000.000	60.000.000	Cái	5	11.760.000	58.800.000	-1.200.000	
16	Khay chứa Slide để nhuộm hóa mô (PETG)	Cái	5	12.000.000	60.000.000	Cái	5	11.736.000	58.680.000	-1.320.000	
17	Khay chứa Slide để nhuộm hóa mô (ABS)	Cái	5	12.000.000	60.000.000	Cái	5	11.736.000	58.680.000	-1.320.000	
18	Hệ thống nhúng mô nén	HT	1	220.000.000	220.000.000	HT	1	215.600.000	215.600.000	-4.400.000	
19	Lưới cắt mô dùng 1 lần	Cái	10	17.500.000	175.000.000	Cái	10	17.150.000	171.500.000	-3.500.000	
2.5	Gói thầu TB-05: Mua sắm, lắp đặt trang thiết bị nghiên cứu, chẩn đoán và tiên lượng một số bệnh lý hiếm gặp				8.900.000.000				8.766.500.000	-133.500.000	
1	Máy nhân gen	Cái	2	380.000.000	760.000.000	Cái	2	375.000.000	750.000.000	-10.000.000	
2	Máy real-time PCR	Cái	1	2.200.000.000	2.200.000.000	Cái	1	2.168.200.000	2.168.200.000	-31.800.000	

TT	NỘI DUNG									Tăng (+) Giảm (-)	Ghi chú
	Tên hàng hóa	Theo Quyết định				Thực hiện					
		ĐVT	S.Lg	Đơn giá	Thành tiền	ĐVT	S.Lg	Đơn giá	Thành tiền		
3	Hệ thống phát hiện đột biến	HT	1	5.940.000.000	5.940.000.000	HT	1	5.848.300.000	5.848.300.000	-91.700.000	
III	Chi phí Quản lý dự án				503.877.000				493.785.000	-10.092.000	
IV	Chi phí Tư vấn				445.215.000				437.327.000	-7.888.000	
4.1	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi				306.847.000				306.847.000	0	
4.2	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT				89.648.000				85.000.000	-4.648.000	
4.3	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị				44.000.000				41.000.000	-3.000.000	
4.4	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công sửa chữa nhỏ				4.720.000				4.480.000	-240.000	
V	Chi phí khác				355.688.000				67.000.000	-288.688.000	
5.1	Lệ phí thẩm định dự án				7.000.000				7.000.000	0	
5.2	Chi phí kiểm định, giám định chất lượng				60.000.000				60.000.000	0	
5.3	Chi phí kiểm toán				110.000.000				chưa thực hiện		
5.4	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán				77.912.000				chưa thực hiện		
5.5	Chi phí GSDG đầu tư				100.775.000				0		
VI	Dự phòng				4.553.770.000				0		
	Tổng cộng				44.700.000.000				39.120.120.000	-5.579.880.000	

